

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV24B4
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tin học(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật(1)	Hệ điều hành Windows(2)	Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Thiết kế trình diễn trên máy tính(3)	Điểm TB	Xếp loại
01	2454802030455	Ngô Huỳnh Anh	15/08/2009	6.6	7.2	6.4	9.6	8.1	9.0	6.9	8.6	8.0	Giỏi
02	2454802030456	Nguyễn Thị Lan Anh	13/05/2009	7.0	7.8	7.6	8.1	9.0	9.0	6.4	8.0	7.9	Khá
03	2454802030457	Đặng Phước Bảo	22/09/2009	6.0	8.7	3.3	9.3	9.0	8.8	7.9	7.9	7.9	Khá
04	2454802030458	Nguyễn Văn Bi	20/03/2009	6.4	6.1	6.7	7.7	8.7	8.5	5.9	8.2	7.4	Khá
05	2454802030459	Nguyễn Văn Chì	20/02/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	2.7	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu
06	2454802030460	Hà Minh Duy	11/09/2009	6.4	8.7	9.0	8.4	8.4	9.2	8.3	9.2	8.5	Giỏi
07	2454802030461	Trần Bảo Duy	10/08/2009	5.4	8.5	7.0	3.7	9.0	9.2	5.6	9.1	7.3	Khá
08	2454802030462	Hồ Hải Đăng	03/07/2009	5.4	7.5	6.4	7.8	8.4	9.0	6.3	9.1	7.7	Khá
09	2454802030463	Nguyễn Nhất Đô	22/11/2009	5.7	6.4	4.3	8.1	7.4	8.8	5.5	8.4	7.2	Khá
10	2454802030464	Vũ Phan Minh Đức	31/03/2009	5.7	6.5	6.5	8.7	8.6	9.0	5.8	9.2	7.7	Khá
11	2454802030465	Lê Thị Ngọc Huyền	14/10/2008	6.3	6.8	7.8	5.5	8.0	8.1	5.6	6.5	6.8	Trung bình
12	2454802030466	Phú Văn Kha	18/03/2009	6.0	8.3	6.5	7.7	8.1	9.3	7.2	8.7	7.9	Khá
13	2454802030467	Lê Bảo Khang	12/03/2009	0.0	0.0	0.8	0.0	3.3	0.0	0.0	0.0	0.3	Yếu
14	2454802030468	Châu Quang Kiệt	15/10/2009	7.0	5.2	4.7	8.6	8.9	9.2	7.4	7.7	7.5	Khá
15	2454802030469	Hoa Thị Hồng Lan	23/09/2009	7.7	6.9	7.6	8.7	9.0	9.2	7.0	7.8	8.0	Giỏi
16	2454802030470	Nguyễn Thanh Luân	08/10/2008	5.5	5.5	4.8	7.4	9.0	9.2	4.7	9.3	7.2	Khá
17	2454802030471	Nguyễn Xuân Nam	04/02/2008	6.5	8.2	7.6	8.2	8.0	9.4	6.1	8.0	7.9	Khá
18	2454802030472	Nguyễn Đông Nghi	04/05/2009	7.5	8.9	8.9	7.6	9.0	9.3	6.4	9.2	8.4	Giỏi
19	2454802030473	Đinh Bảo Nghĩa	12/11/2009	6.3	8.5	7.7	8.3	8.4	9.0	6.3	7.4	7.8	Khá
20	2454802030474	Lê Trọng Nghĩa	17/10/2009	7.9	7.3	6.5	8.5	8.0	9.2	5.7	9.4	8.1	Giỏi
21	2454802030475	Trần Phúc Nguyên	03/03/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	3.2	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật(1)	Hệ điều hành Windows(2)	Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Thiết kế trình diễn trên máy tính(3)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454802030476	Đỗ Thành	Phát	19/01/2009	6.6	7.4	6.7	8.9	7.3	9.1	5.2	6.9	7.4	Khá
23	2454802030477	Phạm Thế	Phong	27/04/2009	6.9	6.3	6.1	8.4	7.3	9.1	5.9	7.0	7.3	Khá
24	2454802030478	Võ Hoài	Phong	07/06/2009	5.3	5.5	5.3	8.2	8.1	9.0	6.0	8.8	7.3	Khá
25	2454802030479	Dương Hoài	Phú	19/07/2009	6.0	5.5	5.0	8.6	8.6	8.7	6.9	9.0	7.5	Khá
26	2454802030480	Lữ Thiên	Phú	17/07/2009	6.6	8.2	7.4	9.2	9.0	9.4	7.4	9.1	8.4	Giỏi
27	2454802030481	Nguyễn Thị Kim	Thanh	08/01/2009	7.3	8.8	8.2	9.4	9.0	9.2	6.3	8.3	8.3	Giỏi
28	2454802030482	Lê Phước	Thiện	16/04/2008	0.0	0.0	1.1	0.0	3.1	0.0	0.0	0.0	0.3	Yếu
29	2454802030483	Trần Văn	Thuận	07/06/2009	6.6	6.8	6.8	9.1	7.9	9.0	6.9	6.8	7.6	Khá
30	2454802030484	Trương Thị Cẩm	Thùy	16/09/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	3.2	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu
31	2454802030485	Danh Thị Thu	Thùy	15/01/2009	7.5	8.8	7.0	8.5	9.0	9.3	7.0	6.8	8.0	Giỏi
32	2454802030486	Võ Thị Kim	Tiền	02/09/2009	6.6	7.3	7.4	8.2	8.4	9.0	5.9	7.0	7.5	Khá
33	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	27/10/2009	7.4	8.9	6.7	8.8	9.0	9.2	6.5	9.1	8.4	Giỏi
34	2454802030488	Nguyễn Công	Trí	17/02/2009	6.2	5.7	4.4	8.4	9.0	9.2	4.6	7.9	7.2	Khá
35	2454802030489	Trần Thùy	Trình	27/03/2009	6.6	8.0	7.3	8.5	9.0	9.2	7.1	6.8	7.8	Khá
36	2454802030490	Đỗ Hồng	Trúc	14/03/2009	6.3	5.9	6.2	7.0	9.0	9.2	4.7	7.2	7.0	Khá
37	2454802030491	Thái Phú	Vinh	07/07/2009	5.7	5.9	5.0	9.1	8.7	9.1	6.5	9.1	7.7	Khá
38	2454802030492	Huỳnh Thị Tường	Vy	18/04/2009	6.6	6.3	7.2	9.1	8.7	9.2	6.6	8.0	7.8	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái